

Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ

Chợ Đồn, ngày 02 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1980.

- **Bị đơn:** Anh Nông Lương N, sinh năm 1977.

Đều trú tại: Tổ 8, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn H - chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị Thu H - chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Bắc Kạn, theo văn bản ủy quyền số 95/GUQ – NHCS ngày 19/4/2019 của Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị T và anh Nông Lương N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nông Lương N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên thống nhất, thỏa thuận giao con chung tên là

Nông Lương Việt Đ, sinh ngày 07/7/2003 cho anh Nông Lương N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nông Lương N và chị Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh Nông Lương N và chị Hoàng Thị T có lập hồ sơ vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch NHCSXH huyện C, tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*): ngày vay 19/10/2013 ngày đến hạn 19/10/2018 thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,8%/ tháng mục đích vay để trồng rừng, đã gia hạn nợ 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/10/2019. Hiện nay nợ gốc đã trả 18.000.000 (*Mười tám triệu*) đồng, đến ngày 19/4/2019 thì số nợ gia đình anh N và chị T còn 12.000.000 đồng. Chị Hoàng Thị T và anh Nông Lương N thỏa thuận chị Hoàng Thị T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 12.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký đối với khoản vay của Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng giao dịch huyện C.

2.5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T và anh Nông Lương N mỗi người phải chịu 75.000 (*Bảy mươi năm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận việc chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 06058 ngày 02 tháng 4 năm 2019 tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chị T được hoàn lại 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- TAND tỉnh kèm theo biên bản ghi nhận;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Văn Mẫn

